

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI PHẠM TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, MẠNG VIỄN THÔNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN THẮNG*

Tóm tắt: Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông là những hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu do họ đã thực hiện hành vi phạm tội trong lĩnh vực này. Bài viết tập trung làm rõ các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, chỉ ra những hạn chế trong thực tiễn áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này và nguyên nhân. Từ đó, đưa ra các giải pháp bảo đảm áp dụng hiệu quả trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông ở nước ta trong thời gian tới.

Từ khóa: Áp dụng; trách nhiệm hình sự; tội phạm; công nghệ thông tin; mạng viễn thông.

Abstract: Criminal liability for crimes in the field of information technology (IT) and telecommunications networks is the legal consequences that offenders have to bear due to their criminal acts in these areas. The article focuses on clarifying the provisions of Vietnam's Criminal Law regarding criminal liability for these crimes and the reasons behind them. From there, it presents solutions to ensure the effective application of criminal liability for crimes in the field of IT and TN in our country in the near future.

Keywords: Applicable; criminal liability; crime; information technology; telecommunications networks.

Ngày nhận bài: 25/12/2023; Ngày sửa bài: 10/01/2024; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2024.

Đặt vấn đề

Trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông (CNTT, MVT) được biểu hiện ra bên ngoài bằng các quy định cụ thể. Nó phản ánh mức độ phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) của người phạm tội, cũng như quyền, nghĩa vụ và địa vị pháp lý của các bên trong mối quan hệ pháp luật hình sự (PLHS). Quy định của PLHS về TNHS đối với tội phạm này chính là căn cứ quan trọng để Nhà nước tiến hành áp dụng TNHS đối với người phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT. Thực tiễn triển khai áp dụng đó cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được, còn có những hạn chế nhất định cần nghiên cứu, làm rõ và có giải pháp bảo đảm áp dụng hiệu quả hơn.

1. Quy định về trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông theo pháp luật hình sự Việt Nam

Trong PLHS Việt Nam hiện nay, TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT thể hiện một cách nghiêm khắc và nổi bật nhất chính là hệ thống hình phạt (gồm cả hình phạt chính, hình phạt bổ sung) và các biện pháp tư pháp được quy định tại Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể:

1.1. Hình phạt chính

Hình phạt chính đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT bao gồm 3/7 loại hình phạt chính theo quy định tại Điều 32 BLHS hiện hành đó là: phạt tiền, cải tạo không

* NCS., Khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội; Email: nvthangc500@gmail.com

giám giữ, tù có thời hạn. Như vậy, đối với 09 tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT sẽ không có tội nào mà người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, nhưng cũng không có tội nào mà chỉ áp dụng hình phạt cảnh cáo. Có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản của các hình phạt chính được áp dụng đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT như sau:

Một là, về tần suất quy định các loại hình phạt: phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn tương đối đồng đều trong tổng số 09 tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT, nhiều nhất là hình phạt tù có thời hạn được quy định ở 09/09 tội (chiếm 100%), kế tiếp là hình phạt tiền được quy định ở 08/09 tội (chiếm 88,89%) và sau cùng là hình phạt cải tạo không giam giữ được quy định ở 07/09 tội (chiếm 77,78%). Hình phạt được áp dụng phổ biến nhất đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT là hình phạt tù có thời hạn. Hình phạt tù cũng có sự phân hóa, giới hạn nhất định giữa các tội phạm này.

Hai là, các quy định về TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT trong BLHS hiện hành đã thể hiện rõ chính sách hình sự của Nhà nước ta, thể hiện quan điểm xử lý tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT gây ra đối với xã hội. Chỉ với 03/07 hình phạt chính trong BLHS được áp dụng, trong đó mức phạt nhẹ nhất là phạt tiền từ 20 triệu đồng và mức phạt nặng nhất là phạt tù có thời hạn đến 20 năm.

Ba là, khoảng cách thời hạn phạt tù giữa mức khởi điểm thấp nhất và mức cao nhất của khung hình phạt tù có thời hạn còn chênh lệch khá lớn. Cụ thể: từ 03 tháng đến 02 năm; từ 06 tháng đến 03 năm; từ 01 năm đến 05 năm; từ 02 năm đến 07 năm; từ 03 năm đến 07 năm; từ 07 năm đến 12 năm; từ 07 năm đến 15 năm; thậm chí là từ 12 năm đến 20 năm (khoảng cách rất lớn đến 08 năm). Việc BLHS hiện hành quy

định khoảng thời hạn phạt tù có sự chênh lệch lớn trong khung hình phạt mặc dù tạo sự linh hoạt, cơ động cho Tòa án khi xét xử, quyết định hình phạt. Song bên cạnh đó, nó cũng gây nhiều khó khăn cho chính Tòa án khi xác định TNHS, đồng thời phân hóa rõ nét TNHS đối với các tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT.

Bốn là, mức khởi đầu của một số khung hình phạt tù có thời hạn rất thấp, chỉ từ 03 tháng tù. Tác giả thấy rằng 03 tháng tù là quá ngắn để trừng trị người bị coi là phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT, mức phạt này khó có thể răn đe, giáo dục, cải tạo người bị kết án cũng như tạo ra sự phòng ngừa chung đối với xã hội. Đây thực sự là hạn chế trong quy định về TNHS đối với các tội phạm cụ thể được quy định bởi khung hình phạt này, không riêng gì đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT.

Năm là, mức án phạt tù có thời hạn cao nhất và cũng là khung hình phạt cao nhất được áp dụng đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT theo quy định của BLHS hiện hành là 20 năm tù (khoản 4, Điều 290: Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản). Theo tác giả, mức cao nhất của hình phạt tù có thời hạn là 20 năm tù đối với tội phạm có cấu thành tăng nặng nêu trên là tương đối nhẹ. Đặc biệt, cũng chỉ duy nhất khoản 4, Điều 290 có mức hình phạt cao nhất này trong số tất cả hình phạt áp dụng đối với nhóm tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT. Như vậy phần nào cho thấy tính nghiêm khắc của PLHS đối với loại tội phạm này còn hạn chế, nhất là trong bối cảnh tình hình tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT diễn biến vô cùng gay gắt, phức tạp, để lại nhiều hậu quả lớn trong xã hội như hiện nay.

1.2. Hình phạt bổ sung

Đối với các tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT thì hình phạt bổ sung được quy định bao gồm: phạt tiền, cấm đảm nhiệm

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, các hình phạt này có một số điểm đáng chú ý sau:

Một là, về tần suất quy định, hình phạt bổ sung được áp dụng với tỷ lệ tương đối cao, với 07/09 tội có quy định về hình phạt bổ sung ở khoản cuối cùng trong điều luật (chiếm 77,78%). Còn lại 02/09 tội không quy định hình phạt bổ sung (chiếm 22,22%) đó là “tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh” (Điều 293) và “tội cố ý gây nhiễu có hại” (Điều 294).

Hai là, hình phạt bổ sung được quy định đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT cũng mang tính tùy nghi khi tại khoản cuối cùng trong các Điều 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291 BLHS quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị...*”, với 02 hình phạt bổ sung xuất hiện trong cả 07 điều luật nêu trên là: phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Riêng đối với hình phạt bổ sung là “tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” có thể được áp dụng đối với 03 tội được quy định tại các Điều 285, Điều 290 và Điều 291, BLHS.

Ba là, các hình phạt bổ sung không được quy định áp dụng đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT là: trục xuất, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm cư trú. Bởi trên thực tế, các hình phạt bổ sung này không phù hợp với đặc điểm của chủ thể phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT.

Bốn là, trong 03 loại hình phạt bổ sung nêu trên, thì phổ biến hơn cả là phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính và cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tác giả nhận thấy quy định này rất phù hợp bởi lẽ một trong những mục đích quan trọng mà người phạm tội mong muốn đạt được khi phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT là chiếm đoạt tiền hoặc tài sản. Đồng thời, vị trí công

việc, nghề nghiệp hay tính chất việc làm của người phạm tội này trước đó chính là những nguyên nhân - điều kiện thuận lợi để họ lợi dụng thực hiện tội phạm, mặc dù tội phạm này không đòi hỏi chủ thể phạm tội là chủ thể đặc biệt.

Năm là, hình phạt tiền cũng quy định mức phạt rất đa dạng và tùy nghi áp dụng theo phán quyết của Tòa án, tạo điều kiện để Tòa án chủ động, vận dụng và quyết định linh hoạt. Cùng với đó, giới hạn định mức phạt tiền từ thấp nhất đến cao nhất được quy định khá rộng, trong đó mức phạt cao nhất gấp nhiều lần mức khởi điểm với khoảng cách chênh lệch lớn nhất là 20 lần (từ 5 triệu đồng đến 100 triệu đồng). Nhưng nhìn ở một góc độ khác, quy định này có thể coi là một hạn chế của BLHS khi có thể dẫn tới việc cơ quan có thẩm quyền không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung hoặc có áp dụng nhưng tùy tiện.

1.3. Các biện pháp tư pháp

Biện pháp tư pháp là một hình thức TNHS mang tính cưỡng chế nhằm thay thế hình phạt hoặc hỗ trợ hình phạt theo các điều kiện và căn cứ do PLHS quy định. Trong mục 2, Chương XXI, BLHS hiện hành không quy định trực tiếp biện pháp tư pháp cụ thể nào được áp dụng đối với tội phạm trong lĩnh vực này. Qua nghiên cứu cơ sở của TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT, chúng ta có thể xác định biện pháp tư pháp phổ biến, có thể bị áp dụng đối với người phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT, đó là:

Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm (Điều 47, BLHS hiện hành): Việc tịch thu tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu vật liên quan đến tội phạm để tiêu hủy được áp dụng đối với: Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; Vật thuộc loại Nhà

nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành. Bên cạnh đó, đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Ngoài ra, đối với vật, tiền là tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu.

Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi (Điều 48 BLHS hiện hành). Theo đó, người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. Bên cạnh đó, trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại. Tuy nhiên, trên thực tế rất ít khi áp dụng biện pháp buộc công khai xin lỗi. Theo tác giả, cần bắt buộc người phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT phải công khai xin lỗi không những trước cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại mà còn trước Nhà nước và pháp luật.

Qua các biện pháp tư pháp nêu trên, có thể thấy các biện pháp tư pháp bị áp dụng đối với người phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT nhằm thu hồi tài sản đã bị chiếm đoạt, trực tiếp góp phần khắc phục hậu quả do người phạm tội gây ra, hạn chế thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Một số hạn chế trong áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông ở nước ta thời gian qua và nguyên nhân

2.1. Một số hạn chế

Từ nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định của PLHS về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT trong thời gian qua (từ năm

2015 đến năm 2023), có thể rút ra một số hạn chế như sau:

Một là, các cơ quan có thẩm quyền chỉ xử lý được một số lượng tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT tương đối ít, có những trường hợp không thể xử lý được

Giai đoạn 2015 - 2023, Tòa án cả nước chỉ xét xử được 716 vụ án với 1.404 bị cáo phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT. Tính trung bình mỗi năm, Tòa án xét xử được khoảng 79 vụ án với 156 bị cáo về các tội này. Số liệu này còn ít so với số lượng gia tăng nhanh chóng của loại tội phạm này trên thực tế. Trong giai đoạn 2015 - 2018, có tội dù đã được quy định rõ trong BLHS, nhưng trên thực tế chưa có vụ án nào được đưa ra xét xử, như: Tội phát tán vi-rút, chương trình tin học có tính năng gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, thiết bị số.

Hai là, trên thực tế các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các quy định của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT còn chưa thống nhất, đồng bộ

Trong quá trình tố tụng đối với vụ án phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT, thực tế giữa Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án còn có quan điểm khác nhau trong nhiều trường hợp, dẫn đến việc áp dụng quy định của BLHS về tội phạm này chưa thống nhất, đồng bộ. Số vụ án mà Tòa án trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát để điều tra bổ sung là khoảng 15,2% tổng số vụ án thụ lý về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT.

Ba là, các cơ quan có thẩm quyền còn gặp khó khăn, lúng túng khi xử lý những hành vi với phương thức, thủ đoạn phạm tội mới nảy sinh trong lĩnh vực CNTT, MVT:

Tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT do tính chất đặc thù của lĩnh vực này đã luôn nảy sinh những hành vi mới, với phương thức, thủ đoạn mới, rất tinh vi, biến động khó lường. Nhiều hành vi chưa được quy định cụ thể trong BLHS hiện hành hoặc

chưa được hướng dẫn của các cơ quan liên ngành, trên thực tế đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải linh hoạt, khéo léo vận dụng quy định hiện hành để giải quyết.

Bốn là, còn xảy ra tình trạng nhầm lẫn về tội danh khi xét xử đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT:

Tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT với các loại tội phạm “truyền thống” rất dễ bị nhầm lẫn với nhau nếu không nghiên cứu, đánh giá và phân biệt rạch ròi, nhất là đối với dấu hiệu hành vi trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm. Trong đó, nổi bật phải kể đến là việc nhầm lẫn giữa tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290) với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) hoặc tội trộm cắp tài sản (Điều 173) của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Năm là, việc Tòa án quyết định áp dụng hình phạt đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT còn chưa chính xác và thống nhất:

Trong quá trình xét xử vụ án về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT, Tòa án các cấp đã có sự nhầm lẫn và chưa thống nhất về việc áp dụng hình phạt đối với tội phạm này, thể hiện thông qua việc áp dụng không đúng, không thống nhất các căn cứ quyết định hình phạt và quyết định hình phạt cụ thể, đó là:

Đối với tình tiết “Phạm tội nhiều lần” (theo BLHS năm 1999) hoặc “phạm tội từ 02 lần trở lên” (theo BLHS năm 2015). Qua các bản án cho thấy còn một số bản án áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội nhiều lần” hoặc “phạm tội từ 02 lần trở lên” không đúng pháp luật. Có vụ án người phạm tội đã thực hiện tội phạm rất nhiều lần trong thời gian dài, đối với nhiều nạn nhân khác nhau nhưng TAND lại không áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội nhiều lần”.

Một số bản án áp dụng Điều 47 (Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của BLHS) không đúng, do không áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội nhiều lần” hoặc “phạm tội từ 02 lần trở lên”, đồng thời lại áp dụng sai tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 48 BLHS năm 1999.

Trong quá trình xét xử TAND các cấp đã cho các bị cáo phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT được hưởng án treo nhiều, chiếm tới hơn 21,15% tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội phạm này. Việc áp dụng cho hưởng án treo lại không thống nhất, có trường hợp tội nặng lại cho hưởng án treo và ngược lại có trường hợp tội nhẹ hơn nhưng vẫn phải chấp hành án phạt tù.

Việc áp dụng hình phạt đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT còn nhẹ, các hình phạt bổ sung còn ít được áp dụng, chưa phát huy được mục đích, ý nghĩa của hình phạt bổ sung. Đa số các bị cáo bị áp dụng khoản 1 hoặc khoản 2 của các tội trong lĩnh vực CNTT, MVT, theo đó mức phạt thường không quá 07 năm tù. Nếu so với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT, thì mức hình phạt như vậy khá là nhẹ. Về hình phạt bổ sung, nhất là hình phạt tiền ít được áp dụng. Cụ thể, giai đoạn 2015 - 2023 chỉ có 50/1.404 bị cáo (chiếm 3,56%) bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung khi không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Bên cạnh đó, hình phạt tịch thu tài sản chỉ áp dụng với duy nhất 01 bị cáo.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trong áp dụng TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT nêu trên xuất phát từ các nhóm nguyên nhân cơ bản, gồm:

Thứ nhất, nhóm nguyên nhân từ pháp luật

Trên thực tế các quy định của BLHS hiện hành vẫn còn những bất cập nhất

định, cụ thể: BLHS còn thiếu các quy định cụ thể để xử lý những thủ đoạn phạm tội mới phát sinh, trong khi đó việc sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS chưa kịp thời. Quy định của BLHS còn mang tính khái quát, chưa cụ thể gây khó hiểu trong quá trình áp dụng. Bên cạnh đó, còn nhiều tội quy định hậu quả của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm cơ bản, trong khi hậu quả của tội phạm này lại khó xác định, dẫn đến một số điều luật ít được áp dụng hoặc không được áp dụng để xử lý đối với các hành vi phạm tội trên thực tế đã xảy ra. Một số quy định cụ thể của BLHS hiện hành về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT còn bất cập, hạn chế nên đã, đang và sẽ gây ra những khó khăn trong quá trình áp dụng TNHS đối với tội phạm này. Ngoài ra, kỹ thuật lập pháp của BLHS về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT có điểm còn chưa hợp lý, dễ gây nhầm lẫn khi định tội danh và áp dụng TNHS đối với tội phạm đó.

Thứ hai, nhóm nguyên nhân từ chủ thể áp dụng TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT, cơ sở vật chất, quan hệ hợp tác

Với quan điểm “Con người là nhân tố quyết định”, phải thấy rằng chủ thể áp dụng TNHS đối với tội phạm này còn nhiều hạn chế. Việc đầu tư về trang thiết bị, cơ sở vật chất để đấu tranh đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT chưa đáp ứng được yêu cầu. Cùng với đó, hoạt động hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ ba, nhóm nguyên nhân khách quan do tính phức tạp, đặc thù của quá trình chứng minh vụ án về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT

Với tính chất đặc thù của loại tội phạm sẽ gây ra những khó khăn trong vấn đề thu thập, sử dụng chứng cứ là dữ liệu điện tử; trong việc phân hóa tội phạm, xác định tội

danh đối với các vụ án phạm tội trong lĩnh vực CNTT, MVT. Ngoài ra có nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa được quy định trong hệ thống quy phạm pháp luật nói chung, BLHS nói riêng.

3. Giải pháp bảo đảm áp dụng hiệu quả trách nhiệm hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông

Thời gian tới, tác giả kiến nghị cần triển khai đồng bộ một số giải pháp góp phần bảo đảm áp dụng hiệu quả TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT như sau:

Một là, tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật; tổng kết thực tiễn và phát triển hệ thống án lệ

Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích việc áp dụng TNHS nói chung và TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng. Hiện nay, liên ngành các cơ quan tư pháp, cơ quan chức năng ở Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn mới nên Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10/9/2012 vẫn được sử dụng (mặc dù Thông tư này ra đời trước khi ban hành BLHS năm 2015). Tuy nhiên, một số nội dung hướng dẫn trong Thông tư này cũng cần phải được sửa đổi cho phù hợp. Từ đó đặt ra yêu cầu hết sức cấp thiết đối với liên ngành tư pháp Trung ương phải sớm ban hành các văn bản dưới luật về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực CNTT, MVT nói chung, văn bản hướng dẫn công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với tội phạm trong lĩnh vực này nói riêng.

Trước mắt, trong thời gian tới, các cơ quan có thẩm quyền cần giải thích, hướng dẫn một số thuật ngữ trong BLHS năm 2015 như: “*công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính,*

mạng viễn thông, phương tiện điện tử tại khoản 1 Điều 285; *“chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”*; *“hành vi phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”* trong khoản 1 Điều 286; *“hành vi cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”* tại Điều 287; hay như việc giải thích, hướng dẫn tình tiết: *“Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông”* tại điểm b khoản 2 Điều 287 và điểm b khoản 2 Điều 288; *“thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”* tại khoản 1 Điều 288; *“thông tin trái với quy định của pháp luật”*; *“gây dư luận xấu”* tại khoản 1 Điều 288; *“dẫn đến biểu tình”* tại điểm g khoản 2 Điều 288 BLHS... Đặc biệt, cần chú ý hướng dẫn phân biệt các trường hợp dễ gây nhầm lẫn về định tội danh đối với các tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT như: phân biệt Điều 286, Điều 287 và Điều 289; Điều 290 với Điều 173 và Điều 174 BLHS hiện hành.

Hai là, chú trọng công tác giám đốc kiểm tra việc xét xử tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT

Đối với việc truy cứu TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT, công tác giám đốc kiểm tra việc xét xử càng cần phải đề cao hơn nữa. Bởi các vụ án trong lĩnh vực CNTT, MVT thường là những vụ án tương đối phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Mặt khác, các đối tượng đã triệt để lợi dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong việc thực hiện tội phạm. Trong quá trình giải quyết các vụ án này những người trực tiếp thụ lý gặp phải nhiều khó khăn do hạn chế về trình độ chuyên môn kỹ thuật liên quan đến phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội của các đối tượng. Muốn hoạt động áp dụng TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT đạt hiệu quả đòi hỏi Tòa án cấp trên phải thường xuyên quan

tâm đến công tác giám đốc kiểm tra việc xét xử của các Tòa án cấp dưới.

Ba là, đẩy mạnh công tác tổ chức thực hiện, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, áp dụng pháp luật vào cuộc sống

Thời gian tới, cần đặc biệt chú trọng việc tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác nhằm giúp họ nắm chắc quy định của BLHS năm 2015 để áp dụng vào thực tiễn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT - loại tội phạm mang tính chất đặc thù. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là giáo dục pháp luật về CNTT, MVT, pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng thông qua nhiều hình thức nhằm răn đe tội phạm, nâng cao ý thức cảnh giác cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Từ đó sẽ góp phần bảo đảm áp dụng hiệu quả TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT.

Bốn là, nâng cao năng lực pháp luật, ý thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật

Các cơ quan tiến hành tố tụng phải tích cực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kiến thức pháp lý về CNTT, MVT cho người tiến hành tố tụng, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán, cán bộ Tòa án các cấp. Bên cạnh đó, cần thường xuyên tập huấn, phổ biến kinh nghiệm áp dụng TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT. Đặc biệt, phải lưu ý bố trí cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có trình độ, kinh nghiệm đấu tranh đối tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT để giải quyết vụ án cũng như áp dụng TNHS đối với tội phạm này.

Năm là, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ đấu tranh, xử lý

tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT nói chung cũng như áp dụng TNHS đối với tội phạm này nói riêng

CNTT, MVT là lĩnh vực công nghệ cao, có trình độ hiện đại với sự phát triển nhanh chóng. Trong khi đó, các thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, rất khó phát hiện. Nếu không được trang bị những thiết bị, công cụ tiên tiến nhất sẽ khó phát hiện, đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này. Để có được trang thiết bị hiện đại nhất, các lực lượng chức năng không chỉ mua các phần mềm có sẵn trên thị trường, mà tùy theo yêu cầu có thể đặt hàng các công ty công nghệ chuyên thiết kế, ứng dụng các phần mềm chuyên dụng hoặc mua, thuê các loại máy móc, phương tiện, trang thiết bị nghiệp vụ đặc thù phục vụ công tác điều tra, khám phá, xử lý tội phạm và người phạm tội, góp phần đảm bảo hiệu quả áp dụng TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT.

Sáu là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đấu tranh, xử lý tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT cũng như áp dụng TNHS đối với tội phạm này

Nước ta cần ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế để hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT; thực hiện tương trợ tư pháp khi điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT. Đặc biệt là hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong việc giao lưu, học hỏi kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT cũng như áp dụng TNHS đối với tội phạm này thông qua việc tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi,... Tăng cường tiếp nhận chuyển giao trang bị, mua sắm và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị chuyên dùng trong đấu tranh, xử lý cũng như áp dụng TNHS đối với loại tội phạm này, tranh thủ nguồn tài chính hỗ trợ để hiện đại hóa các phương tiện kỹ thuật chuyên dùng phục vụ công tác cũng như

cử cán bộ đi tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT nói chung, nghiệp vụ trong xét xử, áp dụng TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT nói riêng ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

Kết luận

Tóm lại, TNHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT được thể hiện rõ nét thông qua các hình phạt và biện pháp tư pháp. Việc áp dụng TNHS cụ thể sẽ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định trên cơ sở quy định của PLHS trong từng vụ án, với từng người phạm tội cụ thể. Việc phân tích các quy định của PLHS đối với tội phạm trong lĩnh vực CNTT, MVT và chỉ ra một số hạn chế trong áp dụng TNHS đối với tội phạm này cũng như nguyên nhân, là cơ sở quan trọng nhằm đưa ra một số giải pháp góp phần bảo đảm áp dụng hiệu quả TNHS đối với tội phạm này trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Tính (2017), “Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về chức vụ theo pháp luật hình sự Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Quý Khuyến (2020), “Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông theo Luật Hình sự Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
3. Hồ Sỹ Sơn (2010), “Bàn về khái niệm, bản chất, nội dung và giới hạn của trách nhiệm hình sự”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 6/2010.
4. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm - Tập 2)*, Nxb. Lao động, Hà Nội.